

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng  
xã Triệu Trạch giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành: “QCVN 01/2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Triệu Phong về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Trạch giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 01/12/2022 của HĐND xã Triệu Trạch về việc thông qua đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Trạch giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 2955/SXD-QHKT ngày 14/12/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc ý kiến đề án Quy hoạch chung xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 54/KTHT-TĐ ngày 14/12/2022,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Trạch giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2035 với các nội dung sau:

**1. Tên quy hoạch:** Quy hoạch chung xây dựng xã Triệu Trạch giai đoạn



2021 - 2030, định hướng đến năm 2035.

**2. Địa điểm:** Xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

**3. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Phong.

**4. Điều hành quản lý dự án:** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Triệu Phong.

**5. Tổ chức lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần Kiến trúc T'Home.

**6. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch, dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động:**

*6.1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch:*

Toàn bộ địa giới hành chính xã Triệu Trạch, diện tích toàn xã là 3.383,20ha, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Triệu Phước, xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong;
- Phía Đông giáp xã Triệu Vân, xã Triệu Lăng, Triệu Phong;
- Phía Nam giáp xã Triệu Sơn, Triệu Tài, huyện Triệu Phong;
- Phía Tây giáp xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong.

*6.2. Dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động:*

- Dân số hiện trạng: 4.897 người.
- Dự báo dân số đến năm 2030: 6.062 người.
- Dự báo dân số đến năm 2035 đạt khoảng: 6.926 người. Dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 90% dân số. Trong đó, lao động nông nghiệp chiếm khoảng 25%, lao động phi nông nghiệp khoảng 75%.

**7. Mục tiêu:**

- Điều chỉnh, cập nhật quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,...phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới, đồng thời, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong.

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Triệu Phong; tạo lập môi trường sống với nhiều tiện ích cao, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá; bảo vệ môi trường sinh thái của địa phương.

- Xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, đảm bảo sự phát triển bền vững;

- Phát triển các khu dân cư mới; cải tạo, chỉnh trang làng xóm cũ đảm bảo không gian cảnh quan;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng. Phục vụ công tác quản lý đất đai và kiểm soát phát triển, đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

**8. Phân khu chức năng:**



### 8.1. Hệ thống trung tâm xã:

Khu trung tâm xã định hướng dọc trên tuyến đường huyện ĐH.41, vị trí đối diện trụ sở UBND xã hiện tại, tạo thuận lợi cho người dân liên hệ làm việc. Quy mô khoảng 20ha, bố trí các công trình dịch vụ công cộng quan trọng như: Trụ sở làm việc UBND xã; các công trình công cộng bao gồm: nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, trung học phổ thông, trạm y tế, trung tâm văn hóa - thể thao, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông,...

### 8.2. Hệ thống thôn, xóm, các khu dân cư tập trung:

- Khu dân cư mới được hình thành trên cơ sở các điểm dân cư đã hình thành theo các trục đường giao thông hiện hữu trên địa bàn xã; từng bước cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các khu thể dục thể thao phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh hoạt cộng đồng của người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

- Khu dân cư trong khu trung tâm xã xây dựng tập trung theo dạng ô bàn cờ. Khu trung tâm xã và các công trình công cộng có vị trí liên hệ thuận tiện tới các điểm dân cư trong xã bằng giao thông đường bộ.

- Tuyến dân cư thôn, xóm bố trí dọc theo trục đường giao thông chính và các tuyến giao thông liên xã.

### 8.3. Khu sản xuất:

Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản,...); khu vực công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam, khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các vị trí nhỏ lẻ khác.

## 9. Định hướng tổ chức không gian xã:

9.1. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hóa, thể thao, giáo dục, tôn giáo - di tích.

### 9.1.1. Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã:

- Xây dựng mới Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã trong khu trung tâm xã, vị trí đối diện trụ sở UBND hiện trạng, quy mô là 0,5ha.

### 9.1.2. Trụ sở làm việc công an, xã đội:

Quy hoạch xây dựng mới trong khu Trung tâm xã dọc tuyến đường ĐH.41, với diện tích khoảng 0,1ha.

### 9.1.3. Công trình giáo dục:

- Trường mầm non: Giữ nguyên vị trí và quy mô các điểm trường mầm non hiện trạng.

- Trường TH - THCS: Giữ nguyên vị trí và quy mô các điểm trường TH - THCS hiện trạng.

### 9.1.4. Cây xanh- TDTT:



- Quy hoạch mở rộng sân thể thao có vị trí khu trung tâm xã với quy mô 1,00ha. Ngoài ra, bổ sung thêm các quỹ đất cây xanh, thể dục thể thao trong các điểm dân cư quy hoạch mới.

*9.1.6. Trạm y tế:*

- Giữ nguyên quy mô, vị trí Bệnh viện Đa khoa Triệu Phong - cơ sở 2 hiện hữu, tại thôn Đồng Tâm, quy mô là 0,37ha. Giữ nguyên quy mô, vị trí trạm y tế xã hiện hữu, tại thôn Long Quang, quy mô là 0,13ha.

*9.1.7. Bưu điện xã:*

- Giữ nguyên vị trí bưu điện xã hiện hữu, quy mô 0,02ha.

*9.1.8. Tôn giáo, tín ngưỡng:*

- Giữ nguyên vị trí các công trình tôn giáo, tín ngưỡng hiện hữu 11,11ha.

*9.1.9. Nghĩa trang Liệt sỹ:*

- Giữ nguyên vị trí và diện tích.

*9.2. Nhà văn hóa các thôn:*

- Mở rộng mới cụm nhà văn hóa, sân thể thao thôn Đồng Tâm tại vị trí nhà văn hóa thôn An Trạch (cũ) với quy mô 0,62ha. (Trong đó: nhà văn hóa thôn 0,10ha, sân thể thao 0,52ha).

- Mở rộng mới cụm nhà văn hóa, sân thể thao thôn Lệ Xuyên tại vị trí nhà văn hóa thôn Lệ Xuyên với quy mô 0,31ha. (Trong đó: nhà văn hóa thôn 0,13ha, sân thể thao 0,18ha).

- Xây dựng mới cụm nhà văn hóa thôn Long Quang tại vị trí sân thể thao thôn hiện trạng với quy mô 1,01ha. (Trong đó: nhà văn hóa thôn 0,35ha, sân thể thao 0,66ha).

- Mở rộng cụm nhà văn hóa thôn và sân thể thao thôn Linh An hiện trạng với quy mô 0,77ha. (Trong đó: nhà văn hóa thôn 0,13ha, sân thể thao 0,50ha, khu thể thao người cao tuổi 0,14ha).

- Mở rộng cụm nhà văn hóa thôn và sân thể thao thôn Vân Tường hiện trạng với quy mô 0,65ha. (Trong đó: nhà văn hóa thôn 0,15ha, sân thể thao 0,50ha).

*9.3. Khu dân cư mới:*

- Quy hoạch các khu ở mới tập trung:

+ Vị trí 1: Trên phần đất nông nghiệp thuộc thôn Linh An, giáp đường ĐH.44 với diện tích 25,50ha.

+ Vị trí 2: Trên phần đất nông nghiệp thuộc thôn Long Quang, giáp đường vành đai phía Tây Khu kinh tế Đông Nam với diện tích 28,00ha.

+ Vị trí 3: Trên phần đất nông nghiệp thuộc thôn Đồng Tâm, giáp đường ĐH.41 với diện tích 12,00ha.

+ Vị trí 4: Khu dân cư thôn Lệ Xuyên, giáp đường QL.49C và tuyến đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây với diện tích 27,27ha.



#### 9.4. Đất xây dựng chức năng khác:

##### 9.4.1. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tập trung tại vị trí khu trung tâm xã với quy mô 0,50ha, sát đường ĐH.41. Định hướng bao gồm các chức năng: sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y).

##### 9.4.2. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề:

- Cập nhật Quy hoạch mới các khu CN, khu Logistic, vị trí và quy mô theo đề án Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đã được phê duyệt. Tổng quy mô đất là 1.660,0ha.

- Cơ bản giữ nguyên vị trí, quy mô các điểm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn xã. Tổng quy mô đất là 0,2ha.

##### 9.4.3. Đất sản xuất nông nghiệp

- Vùng trồng lúa với tổng diện tích 463,85 ha.

- Vùng đất trồng trọt khác phân bố rải rác trên các cánh đồng của các thôn và trong các khu dân cư với tổng diện tích 289,64 ha.

- Vùng nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 20,62ha phân bố tại khu vực thôn Linh An, Lệ Xuyên,... và các ao hồ trong các khu dân cư.

- Vùng rừng sản xuất với tổng diện tích 57,73ha phân bố tại khu vực các thôn Linh An, Long Quang, Vân Tường, Lệ Xuyên.

- Vùng rừng phòng hộ với tổng diện tích 367,76ha phân bố tại khu vực các thôn Linh An, Long Quang, Lệ Xuyên.

- Vùng đất nông nghiệp khác (trại trại tổng hợp,...) với tổng diện tích 15,0 ha phân bố tại khu vực thôn Linh An.

#### **10. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:**

##### 10.1. Quy hoạch giao thông:

###### a. Giao thông đối ngoại:

- Đường quốc lộ 49C, ĐH.41 có mặt cắt ngang (1 - 1):

$$35\text{m} = 7.0\text{m} + 10.50\text{m} + 10.50\text{m} + 7.0\text{m};$$

- Đường trục dọc Khu kinh tế Đông Nam có mặt cắt ngang (2 - 2):

$$65\text{m} = 12.5\text{m} + 20.00\text{m} + 20.00\text{m} + 12.5\text{m};$$

- Tuyến đường dọc tuyến đường sắt cao tốc, kết nối Khu kinh tế Đông Nam và thành phố Đông Hà, cửa khẩu Lao Bảo có mặt cắt ngang (3 - 3):

$$140\text{m} = 30.0\text{m} + 40.00\text{m} + 40.00\text{m} + 30.0\text{m};$$



- Tuyến đường vành đai phía Tây Khu kinh tế Đông Nam và các tuyến đường kết nối tuyến đường vành đai và khu vực ven biển có mặt cắt ngang (4-4):  $55\text{m}=10.0\text{m}+17.50\text{m}+17.50\text{m}+10.0\text{m}$ ;

- Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây có mặt cắt ngang (5 - 5):  $59,00\text{m}$ = quy mô 6 làn xe cơ giới, đường hai bên 4 làn xe hỗn hợp;

*b. Giao thông đối nội:*

- Mặt cắt ngang (6 - 6):  $24\text{m}=5.0\text{m}+7.0\text{m}+7.0\text{m}+5.0\text{m}$ ;

- Mặt cắt ngang (7 - 7):  $26\text{m}=5.0\text{m}+8.0\text{m}+8.0\text{m}+5.0\text{m}$ ;

- Mặt cắt ngang (8 - 8) (Đường trục chính các thôn mở rộng):  $(6.0-10.0)\text{m}$ ;

- Mặt cắt ngang (9 - 9) (Đường trục chính nội đồng):  $5.0\text{m}$

*10.2. Quy hoạch thoát nước mặt:*

- Hệ thống thoát nước mưa tận dụng địa hình tự nhiên, có hướng dốc chính theo hướng Đông - Tây.

- Hệ thống thoát nước mặt bao gồm các tuyến công tròn và hệ thống mương hở. Mạng lưới đường ống thoát nước được bố trí dọc các tuyến đường giao thông xung quanh các lô đất, thiết kế san nền với chế độ tự chảy từ trong nền các lô đất về hệ thống thoát nước xung quanh.

- Toàn bộ nước mặt được thu bằng hệ thống cống BTCT, rãnh thoát nước, được bố trí dọc hai bên các tuyến đường rồi được thoát ra hệ thống kênh tiêu, ao hồ, các khu vực đồng ruộng của xã, đảm bảo thoát nước được triệt để cho toàn khu vực.

*10.3. Quy hoạch cấp nước:*

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2035 khoảng  $1.859\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Nguồn cấp từ Trạm bơm tăng áp của nhà máy nước Khu kinh tế Đông Nam có công suất  $20.000\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  và dự án “Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và chống chịu với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị”.

- Mạng lưới cấp nước được quy hoạch dạng mạng tổng hợp trong đó các tuyến ống truyền tải, ống phân phối nối với nhau tạo thành các mạng vòng, đảm bảo nước cấp liên tục và an toàn. Ống cấp nước truyền tải và phân phối sử dụng ống HDPE có đường kính từ  $\text{Ø}110$  đến  $\text{Ø}200\text{mm}$ . Ống cấp nước dịch vụ sử dụng ống HDPE có đường kính ống từ  $\text{Ø}50$  đến  $\text{Ø}90\text{mm}$

*10.4. Quy hoạch cấp điện:*

- Tổng nhu cầu cấp điện khoảng  $1.651\text{KVA}$ .

- Nguồn cấp: xuất tuyến 471.

- Hiện trạng hệ thống điện đã đáp ứng đủ nhu cầu cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất. Trong thời gian tới cần tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện và hệ thống các trạm biến áp để đáp ứng nhu cầu phát triển.

*a. Lưới điện trung áp và trạm biến áp 22/0,4kV:*



- Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường điện 22kV hiện trạng.
- Những tuyến điện xuống cấp, không phù hợp với quy hoạch giao thông và quy hoạch sử dụng đất hoặc không đảm bảo tiết diện để tải điện được dỡ bỏ và thay thế bởi các tuyến 22kV mới.
- Nâng cấp công suất các trạm biến áp với công suất 250KVA. Các trạm biến áp xây mới có bán kính phục vụ không quá 300m, bố trí gần đường giao thông để quản lý và sửa chữa.
- Lưới điện hạ áp và chiếu sáng: Các tuyến đường trung tâm xã, đường thôn, đường xóm đều được bố trí hệ thống điện chiếu sáng.

#### 10.5. Quy hoạch thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt.
- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải chung với hệ thống thoát nước mưa, nước thải trước khi thoát vào mạng chung phải qua xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại.

#### 10.6. Chất thải rắn:

- Bố trí 06 bãi thu gom chất thải rắn tại các thôn: Thôn Linh An: 03 bãi (tại các khu vực rừng phòng hộ dọc đê Dân Gian), thôn Long Quang: 01 bãi (tại khu vực sát đất mặt nước dọc đê Dân Gian), thôn Đồng Tâm: 01 bãi (tại các khu vực rừng phòng hộ dọc đê Dân Gian), thôn Lê Xuyên: 01 bãi (tại các khu vực rừng phòng hộ dọc QL.49C).
- Chất thải rắn sau khi được thu gom tập trung sẽ được đưa đi xử lý ở bãi xử lý chất thải rắn chung của huyện.

#### 10.7. Đất nghĩa trang nhân dân:

- Cập nhật đồ án Khu kinh tế Đông Nam vào đồ án, giữ nguyên vị trí, quy mô nghĩa địa thôn Lê Xuyên, thôn Đồng Tâm còn lại.
- Giữ nguyên vị trí, quy mô nghĩa địa thôn Vân Tường.
- Giữ nguyên vị trí, quy mô nghĩa địa thôn Linh An.
- Giữ nguyên vị trí, quy mô nghĩa địa thôn Long Quang.

### 11. Tổng hợp sử dụng đất toàn xã đến năm 2035:

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2021		2030		2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>2.635,39</b>	<b>77,90</b>	<b>1.296,17</b>	<b>38,31</b>	<b>1.231,39</b>	<b>36,40</b>
1.1	Đất trồng lúa	449,43	13,28	483,85	14,30	463,85	13,71
1.2	Đất trồng trọt khác	454,56	13,44	328,93	9,72	289,64	8,56
1.3	Đất rừng sản xuất	146,81	4,34	57,73	1,71	57,73	1,71
1.4	Đất rừng phòng hộ	1.534,19	45,35	373,25	11,03	367,76	10,87
1.5	Đất nuôi trồng thủy	30,68	0,91	20,62	0,61	20,62	0,61



STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2021		2030		2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.6	Đất nông nghiệp khác	19,72	0,58	31,79	0,94	31,79	0,94
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>525,00</b>	<b>15,52</b>	<b>1.971,09</b>	<b>58,26</b>	<b>2.069,69</b>	<b>61,18</b>
2.1	Đất ở	37,69	1,11	51,72	1,53	116,92	3,46
2.2	Đất công cộng	156,25	4,62	176,25	5,21	176,25	5,21
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,80	0,05	3,33	0,10	3,33	0,10
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	11,13	0,33	11,13	0,33	11,13	0,33
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,20	0,01	1.066,60	31,53	1.066,60	31,53
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	0,50	0,01	10,37	0,31	10,37	0,31
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	294,61	8,71	626,63	18,52	660,03	19,51
2.6.1	Đất giao thông	109,71	3,24	443,33	13,10	476,73	14,09
2.6.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,06	0,00	5,22	0,15	5,22	0,15
2.6.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	184,83	5,46	178,07	5,26	178,07	5,26
2.6.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,01	0,00	0,01	0,00	0,01	0,00
2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	22,82	0,67	24,96	0,74	24,96	0,74
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	0,10	0,00	0,10	0,00
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>222,81</b>	<b>6,59</b>	<b>115,94</b>	<b>3,43</b>	<b>82,12</b>	<b>2,43</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	105,51	3,12	67,06	1,98	52,12	1,54
3.2	Đất chưa sử dụng	117,30	3,47	48,88	1,44	30,00	0,89
	<b>Tổng</b>	<b>3.383,20</b>	<b>100,00</b>	<b>3.383,20</b>	<b>100,00</b>	<b>3.383,20</b>	<b>100,00</b>

**12. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:** Ban hành kèm theo quyết định này.

**Điều 2.** Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với UBND xã Triệu Trạch và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt và theo các quy định hiện hành của pháp luật.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Triệu Trạch, Giám đốc Công ty Cổ phần Kiến trúc T'Home và Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3/QĐ;
- Lưu: VTUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Phan Văn Linh**